



MASTER LEDtube InstantFit HF T5

MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 840 T5

Philips MASTER LEDtube tích hợp nguồn sáng LED vào dạng đèn huỳnh quang truyền thống. Thiết kế độc đáo của sản phẩm tạo ra hình ảnh vẻ ngoài đồng nhất hoàn hảo, khó có thể phân biệt với đèn huỳnh quang truyền thống. Những đèn tuýp T5 này là sự lựa chọn phù hợp cho hiệu suất tuyệt đối và được thiết kế để thích ứng với các điều kiện hàng ngày. Khả năng tiết kiệm vô song nhờ mức tiêu thụ năng lượng rất thấp và tuổi thọ siêu dài của đèn tuýp LED T5 này chắc chắn sẽ chinh phục được mọi ứng dụng có yêu cầu cao.

Dữ liệu sản phẩm

Thông tin chung	
Đế dui đèn	G5
Tuổi thọ danh định	60.000 h
Chu kỳ bật/tắt	50.000
Công nghệ chiếu sáng	LED
Tham chiếu đo thông lượng	Sphere
Dấu CE	Có
Tuân thủ tiêu chuẩn RoHS châu Âu	Có
Thông tin kỹ thuật về đèn	
Mã màu	840 [CCT of 4000K]
Góc chùm sáng (Danh định)	200 °
Quang thông	2.500 lm
Ký hiệu màu sắc	Trắng mát (CW)
Nhiệt độ màu tương ứng (Nom)	4000 K
Quang hiệu (định mức) (Danh định)	151 lm/W
Độ đồng nhất màu sắc	<6
Chỉ số hoàn màu (CRI)	80

LLMF khi kết thúc tuổi thọ danh định (Danh định)	70 %
Độ an toàn quang sinh học theo EN 62471	RG0
Vận hành và điện	
Tần số dòng	30K to 100K Hz
Tần số đầu vào	30K đến 100K Hz
Mức tiêu thụ điện	16,5 W
Dòng điện bóng đèn (Tối đa)	350 mA
Dòng điện bóng đèn (Tối thiểu)	150 mA
Thời gian khởi động (Danh định)	0,5 s
Thời gian khởi động đạt đến 60% độ sáng	0.5 s
Hệ số công suất (Tỷ lệ)	0.92
Điện áp (Danh định)	70-120 V
Công suất đèn LED thay thế cho đèn huỳnh quang	28 W
Dòng điện khởi động tại nguồn chính	-
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 10A - nguồn chính	-

MASTER LEDtube InstantFit HF T5

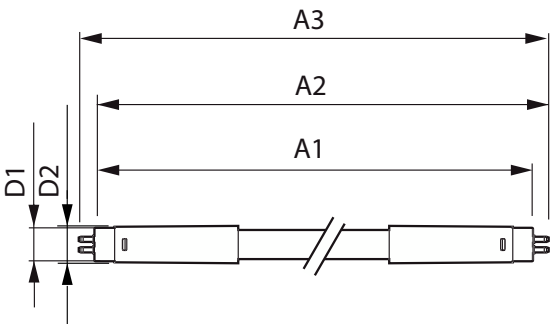
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 10A – chấn lưu – EM không có đầu nhỏ gọn	
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 10A – chấn lưu – EM có đầu nhỏ gọn	
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 16A – nguồn – chính	
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 16A – chấn lưu – EM không có đầu nhỏ gọn	
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 16A – chấn lưu – EM có đầu nhỏ gọn	
Khả năng tương thích của chấn lưu	HF

Nhiệt độ	
Dãy nhiệt độ màu ánh sáng	-20 °C đến 45 °C
Nhiệt độ vỏ tối đa (Danh định)	65 °C

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng	
Có thể điều chỉnh độ sáng	Có – Kiểm tra khả năng tương thích chấn lưu

Cơ khí và vỏ đèn	
Lớp hoàn thiện bóng đèn	Sương giá
Vật liệu bóng đèn	Thủy tinh
Chiều dài sản phẩm	1.200 mm

Bản vẽ kích thước



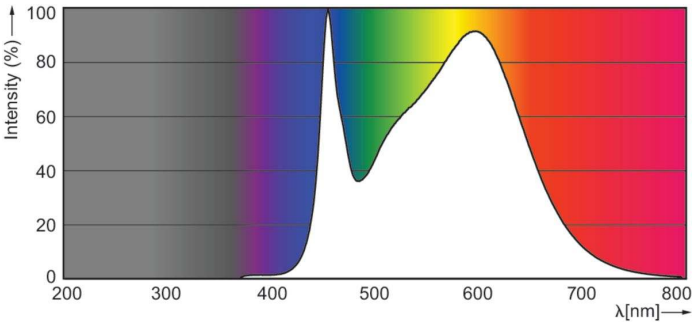
Hình dạng bóng đèn	T5
Phê duyệt và ứng dụng	
Mức tiết kiệm năng lượng	D
Sản phẩm tiết kiệm năng lượng	Có
Dấu phê duyệt	Tuân thủ RoHS TUV Dấu CE Chứng nhận KEMA Keur
Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h	17 kWh
Số đăng ký EPREL	1384135

Dữ liệu sản phẩm	
Tên sản phẩm khác	MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 840 T5
Tên sản phẩm đầy đủ	MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 840 T5
Mã sản phẩm đầy đủ	871869674331700
Mã đơn hàng	929001391102
Số vật liệu (12NC)	929001391102
Phần tử - Số lượng trên một bộ	1
EAN/UPC - Sản phẩm/Hộp	8718696743317
Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài	10
EAN/UPC - Vỏ	8718696743324

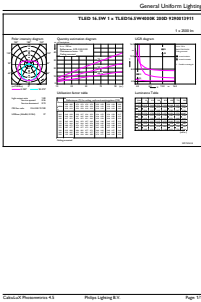
Product	D1	D2	A1	A2	A3
MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 840 T5	15,5 mm	18,8 mm	1.149 mm	1.156,1 mm	1.163,2 mm

MASTER LEDtube InstantFit HF T5

Dữ liệu phân bố ánh sáng



Spectral Power Distribution Colour - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 840 T5



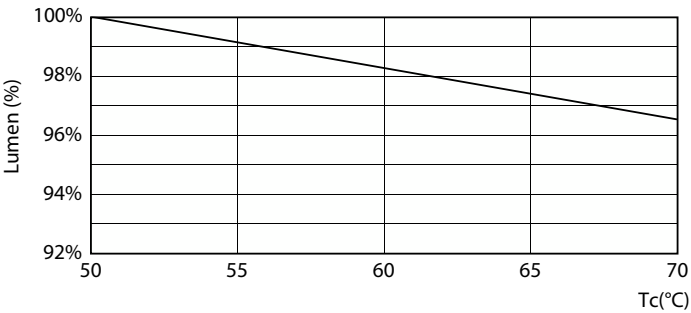
MASTER LEDtube InstantFit HF T5

Tuổi thọ



Lumen Maintenance Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 840 T5

Life Expectancy Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 840 T5



Lumen Maintenance Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 840 T5

